TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 903/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**.

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà **Phan Mỹ Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 426/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1985 - Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Ngọc B**, sinh năm 1987 - Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ông Trần Ngọc H (nguyên đơn) trình bày: Ông Trần Ngọc H và bà Huỳnh Thị Ngọc B chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới, do

tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc không có gì xảy ra cho đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Ông và bà B đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông và bà B có 01 con chung tên Trần Thị Minh H, sinh ngày: 06/5/2015. Hiện trẻ H đang sống chung với bà B, sau khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ H cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/10/2023 cho đến khi trẻ H trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Ngọc H nộp đơn xin ly hôn đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B. Bà B hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Huỳnh Thị Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bà Huỳnh Thị Ngọc B đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa ông Trần Ngọc H với bà Huỳnh Thị Ngọc B nhưng bà B không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Ngọc B tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp ngày 27/6/2014 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc H với bà Huỳnh Thị Ngọc B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[5] Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà B không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông H thì giữa ông và bà B đến năm 2020, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, bà B cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ôngTrần Ngọc H đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

[6] Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Huỳnh Thị Ngọc B có 01 con chung tên Trần Thị Minh H, sinh ngày: 06/5/2015, Hiện trẻ H đang sống chung với bà B. Sau khi ly hôn, ông H đồng ý giao trẻ H cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời nguyện vọng của trẻ H là muốn sống chung với bà B nếu cha mẹ ly hôn. Bà B vắng mặt không thể hiện ý kiến về con chung giữa bà với ông H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của ông H, nếu sau này bà B có tranh chấp về nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao trẻ Trần Thị Minh H,

sinh ngày: 06/5/2015 cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/10/2023 cho đến khi trẻ H trưởng thành.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc H đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B

Ông Trần Ngọc H được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp ngày 27/6/2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Huỳnh Thị Ngọc B có 01 con chung tên Trần Thị Minh H, sinh ngày: 06/5/2015. Giao trẻ Trần Thị Minh H, sinh ngày: 06/5/2015 cho bà Huỳnh Thị Ngọc B tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trần Ngọc H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi trẻ H trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 05/10/2023, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Trần Ngọc H không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Huỳnh Thị Ngọc B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Trần Ngọc H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Huỳnh Thị Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Ngọc H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Trần Ngọc H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Ngọc H có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông Trần Ngọc H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Huỳnh Thị Ngọc B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Trần Ngọc H.

Bà Huỳnh Thị Ngọc B cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông Trần Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, ông Trần Ngọc H và bà Huỳnh Thị Ngọc B có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Ngọc H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0042553 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định